

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: /2018/HS-PT
Ngày 03-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Cảnh và bà Nguyễn Thị Xuân Hương

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Ê Ban Mỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 60/2018/TLPT-HS ngày 6 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Lê Thị Thu Mai có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

LÊ THỊ THU MAI. sinh năm 1974 tại Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện P, Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê B (đã chết) và bà Võ Thị Thu H (đã chết), có chồng là Lê Văn M và 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 22/1/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã S, Phú yên xử phạt 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS (Ngày 06/9/2016 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống); ngày 13/4/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã S, Phú Yên xử phạt 01 năm tù về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS; nhân thân: Ngày 17/8/2011 bị Công an thị trấn P xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 22/3/2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện P ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã về hành vi trộm cắp tài sản, ngày 22/8/2013 chấp hành xong. Bị cáo đi chấp hành án của bản án số 17/2017/HSST ngày 13/4/2017 từ ngày 06/7/2017 đến nay, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/7/2017, Lê Thị Thu M đi vào chợ phát hiện chị La Thị Mi đang nằm ngủ trên võng tại gian hàng tạp hóa chợ thị xã A, bên trái chị Mi nằm ngủ có 01 chiếc túi xách bằng vải màu đen cũ, bên trong có 140.000.000 đồng và 15 chiếc thẻ cào điện thoại trị giá 360.000 đồng (đã được chứng minh, điều tra), 01 giấy phép lái xe của chị Mi và một số giấy tờ hàng hóa khác. Xác định bên trong túi xách có tài sản, M nảy sinh ý định trộm cắp rồi đến gần cúi người xuống dùng tay phải nắm dây đeo của túi xách rồi kéo ra ngoài. M đeo túi xách vừa lấy được vào cổ rồi đi ra khỏi chợ, về nhà cất giấu tài sản trộm cắp được và cho con gái là Lê Thị Trà 15 chiếc thẻ cào điện thoại. Sau đó ngày 06/7/2017 Lê Thị Thu M đến chấp hành án tại trại giam Kim Sơn – Tổng cục VIII Bộ Công an.

Qua trích xuất hình ảnh và điều tra, Công an thị xã A xác định được Lê Thị Trà là con của Lê Thị Thu M đã cào sử dụng 03 thẻ cào điện thoại và chưa sử dụng 12 thẻ cào điện thoại, đây là các tài sản của chị La Thị Mi bị Lê Thị Thu M trộm cắp ngày 01/7/2017 cho Trà sử dụng và Trà không biết đó là tài sản do Lê Thị Thu M trộm cắp.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ sơ thẩm số 06/2018/HSST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu M phạm tội “trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm c, g khoản 2, khoản 5 Điều 173, điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu M 06 năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù tại bản án số 17/2017/HSST ngày 13/4/2017 của TAND thị xã S, tỉnh Phú Yên đối với bị cáo. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2017.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Thu M 8.000.000đ (tám triệu đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo.

3. Kháng cáo của bị cáo:

Ngày 2/5/2018 bị cáo Lê Thị Thu M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

4.Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và không cung cấp chứng cứ gì

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận ngày 01/7/2017 bị cáo có thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị La Thị Mi như bản án sơ thẩm đã nêu, bị cáo lấy tiền trả xe ôm nên biết trong túi xách đó có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000đ, 200.000đ và 100.000đ ước chừng vài chục triệu và thẻ cào điện thoại, các ngăn khác chưa kiểm tra nên bị cáo không biết có gì. Bị cáo chưa kịp mang túi xách về nhà thì bị cướp giật toàn bộ. Bị cáo nhất trí phần bồi thường và các phần khác như bản án sơ thẩm tuyên và xin tòa giảm nhẹ hình phạt do bị cáo có con đông, có mẹ già và do tiền bị cướp giật mất nay bị cáo phải bồi thường.

Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, các dữ liệu do trích xuất camera, lời khai của Lê Thị Trà là con bị cáo và các chứng cứ khác, có cơ sở kết luận bị cáo đã lợi dụng lúc chị La Thị Mi sơ hở do ngủ quên nên bị cáo lấy một túi xách, trong túi xách có 140.000.000đ và 15 thẻ cào điện thoại trị giá 360.000đ và các vật dụng khác như đã mô tả trong bản án, bản thân bị cáo hai lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, đã tái phạm chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục phạm tội do cố ý, cụ thể ngày 13/4/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng “Tái phạm”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị Thu M phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c, g khoản 2, khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Đối với việc bị cáo cho rằng không xác định được số tiền bao nhiêu do bị cáo chưa kịp xem hết các ngăn của túi xách thì bị cướp giật. Lời khai này của bị cáo không có căn cứ vì thực tế bị cáo đã mang tài sản trộm cắp về nhà và cho con bị cáo là Lê Thị Trà 15 chiếc thẻ cào điện thoại, đối với số lượng tiền đã được điều tra xác định có căn cứ, bản thân bị cáo cũng có nhiều lời khai đồng ý trả lại toàn bộ số tiền cho bị hại. Như vậy, việc bị cáo cố tình khai báo như trên là muốn giảm nhẹ hình phạt.

[2] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản với mục đích lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bản thân bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình vi phạm. Bị cáo từng có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, cũng đã bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần cũng về hành vi Trộm cắp tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, mà vẫn vi phạm, thể hiện thái độ coi thường pháp

luật, thói quen chiếm đoạt tài sản của người khác khi có thời cơ thuận lợi, sau khi phạm tội và bị phát hiện bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội mà nhiều lần không hợp tác với cơ quan điều tra và cho rằng không biết gì hoặc bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội nhưng lại cho rằng bị cướp giật toàn bộ. Như vậy bị cáo không thành khẩn và không biết ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và điều đó cũng thể hiện bản thân bị cáo là đối tượng có nguy cơ tiếp tục gây ảnh hưởng xấu đối với an ninh trật tự công cộng và quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân nếu không có biện pháp phù hợp. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo thật nghiêm khắc, cao so với khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thời gian tương ứng để cải tạo, giáo dục bị cáo và để phòng ngừa chung cho xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử vụ án đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và xử phạt bị cáo mức hình phạt 6 năm tù là cần thiết và đã tương xứng.

Trong giai đoạn phúc thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HSST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Thu M

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu M phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm c, g khoản 2, khoản 5 Điều 173, điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu M 06 năm tù. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù tại bản án số 17/2017/HSST ngày 13/4/2017 của TAND thị xã S, tỉnh Phú Yên đối với bị cáo. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2017.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Thu M 8.000.000đ (tám triệu đồng) để sung vào Ngân sách nhà nước.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Thị Thu M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Trại tạm giam T20
- Công an thị xã A;
- Bị cáo;
- Lưu VT, THS, HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Hồng